

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84** /2019/HC-PT

Ngày: 25-6-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Minh Tuấn**

*Các Thẩm phán:* Ông **Đặng Kim Nhân**

Ông **Trần Quốc Cường**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông **Đình Văn Chánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 125/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 3 năm 2019 về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 82/2018/HC-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 569/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông **Lê Bá T**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 01, khối phố 7, phường A, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

**\* Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Lê Trí T2**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, có đơn xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông **Phan Khắc C**- chức vụ: Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Quảng Nam, có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.

## **2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.**

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Trường S**, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T1, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Ông **Đinh Hữu Tr**, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T1, có mặt.

- Ông **Nguyễn Ngọc Tr1**, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T1, có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn Tr2**, chức vụ: Chủ tịch UBND phường A1, thành phố T1, có đơn xét xử vắng mặt.

3. Ông **Nguyễn Bá H**, sinh năm 1954, trú tại: Tổ 2, Thôn P, xã T3, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

4. Bà **Phạm Thị V**, trú tại: Tổ 2, Thôn P, xã T3, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của người khởi kiện tại phiên tòa, như sau:*

Nguồn gốc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 1, diện tích 15.027,5m<sup>2</sup> tại phường A1, thành phố T1 do ông Nguyễn Bá H tự khai hoang và trồng cây từ năm 1989 đến nay theo chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Năm 2003, UBND thị xã Tam Kỳ thu hồi một phần để triển khai dự án Trung tâm sát hạch lái xe tỉnh Quảng Nam và bồi thường cho ông H với số tiền khoảng 25.650.000 đồng. Đến năm 2008, ông H đã chuyển nhượng diện tích đất và số cây còn lại cho ông T quản lý và sử dụng ổn định không có tranh chấp. Trong quá trình sử dụng đất, ông H chưa đăng ký kê khai theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 26-9-2011, ông T có đăng ký quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký QSDĐ tỉnh Quảng Nam, giải thửa kết quả đo đạc địa chính thửa đất: thửa đất số 03, tờ bản đồ số 1, diện tích 15.027,5m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng cây lâu năm khác, tên chủ sử dụng Lê Bá T.

Trên cơ sở phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư được duyệt của dự án mở rộng Nghĩa trang A3 tỉnh Quảng Nam, UBND thành phố T1 ban hành Quyết định số 7516/QĐ-UBND ngày 26-12-2012 và Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 11-4-2014 bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất cho ông T với số tiền 86.523.800 đồng. Đối với diện tích đất trồng cây

13.070 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 01, loại đất LNK ông T không được bồi thường hỗ trợ.

Ngày 09-10-2013, ông T khiếu nại yêu cầu thành phố T1 ban hành Quyết định thu hồi đất và bồi thường đối với diện tích đất 13.070m<sup>2</sup> cho ông. Đến ngày 15-4-2014, Chủ tịch UBND thành phố T1 ban hành Quyết định số 2481/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông T. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T1, ngày 12-5-2014, ông T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. Vụ việc được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 15-8-2014 không công nhận nội dung khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 15-4-2014 của Chủ tịch UBND thành phố T1.

Ngày 15-7-2015, ông T nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 15-8-2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Lê Bá T được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HCST ngày 26-5-2016 về việc “Kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai” đã tuyên: Hủy Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 15-8-2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. Buộc Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết khiếu nại lại theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi bản án nêu trên có hiệu lực, ngày 28-02-2017, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Lê Bá T. Không đồng ý với Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 28-02-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai, ông T khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 27-3-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam để đảm bảo quyền lợi cho ông.

*Người bị kiện trình bày tại văn bản số 2767/UBND-NC ngày 02-6-2017 như sau:*

Nguồn gốc diện tích 13.070m<sup>2</sup> đất ông Lê Bá T đang khiếu nại yêu cầu được bồi thường, theo xác nhận của UBND phường A1 thì nằm trong khu vực đồi núi C1, thuộc địa giới hành chính xã T3 và phường A1. Năm 2002, sau khi chia tách xã T3 thành hai đơn vị hành chính là phường A1 và xã T3 thì diện tích đất này do UBND phường A1 quản lý. Theo Biên bản họp xét duyệt nguồn gốc đất ngày 11-01-2012 của Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất phường A1 thì 07

hộ dân có cây trồng trên 07 thửa đất số: 01, 02, 03, 05, 06, 08, 09 (trong đó có hộ ông T) là “do chiếm dụng đất đồi núi C1 để trồng cây, đất vẫn do UBND phường quản lý, Hội đồng không thống nhất xác nhận nguồn gốc đất cho các hộ”. Giấy xác nhận nguồn gốc đất lập ngày 25-4-2013 thể hiện diện tích đất ông T khiếu nại là “đất hoang do UBND phường A1 quản lý. Ông T nhận chuyển nhượng cây do ông H đã chiếm đất hoang tự trồng cây sau ngày 01-7-2004”.

Về hồ sơ kê khai đăng ký đất đai thì diện tích đất ông T đang khiếu nại được thể hiện trong 3 hồ sơ địa chính như sau: Hồ sơ thực hiện Nghị định 64/CP thuộc một phần của thửa số 441, tờ bản đồ số 22, diện tích 131.250m<sup>2</sup>, loại đất hoang do UBND xã T3 quản lý. Hồ sơ thực hiện Nghị định 60/CP thuộc một phần của thửa số 63, tờ bản đồ số 61, diện tích 190.837,7m<sup>2</sup>, loại đất hoang do UBND phường A1 quản lý. Hồ sơ kỹ thuật trích đo địa chính để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ của dự án mở rộng Nghĩa trang A3 tỉnh Quảng Nam được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 26-10-2011 thì thuộc một phần của thửa số 3, tờ bản đồ số 01, diện tích 15.027,5m<sup>2</sup>, loại đất lâu năm khác.

Việc khiếu nại của ông T đã được Chủ tịch UBND thành phố T1 giải quyết lần đầu tại Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 15-4-2014 đã bác đơn khiếu nại của ông T với lý do: Theo xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 25-4-2013 của UBND phường A1 thì diện tích đất ông T khiếu nại do UBND phường A1 quản lý, ông T nhận chuyển nhượng cây do ông H chiếm đất hoang tự trồng cây sau ngày 01-7-2004. Ông T không cung cấp được các loại giấy tờ pháp lý về đất đai có liên quan. Giấy chuyển nhượng cây ngày 04-01-2009 thể hiện việc chuyển nhượng cây, không phải chuyển nhượng đất và không phải là một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai 2003. Trong quá trình sử dụng đất, hộ ông H, ông T không thực hiện việc kê khai, đăng ký đất đai, giao dịch giữa ông H và ông T đối với diện tích đất này là không hợp pháp, do vậy ông T không phải là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất đang khiếu nại. Căn cứ quy định tại Điều 9 Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam thì hộ ông T không có một trong các điều kiện để được bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất này.

Ông T khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 15-4-2014 của Chủ tịch UBND thành phố T1 được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết tại Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 15-8-2014 bác toàn bộ đơn khiếu nại của ông T. Ông T khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án với yêu cầu

hủy Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 15-8-2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HCST ngày 26-5-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T, hủy Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 15-8-2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam và buộc Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết khiếu nại lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HCST ngày 26-5-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã tiến hành các trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lại lần hai đối với ông Lê Bá T. Trên cơ sở thẩm tra, xác minh, UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 28-02-2017 giải quyết khiếu nại không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Lê Bá T, giữ nguyên Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 15-4-2014 của Chủ tịch UBND thành phố T1, do: Xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Lê Bá T đối với diện tích đất khiếu nại thì trường hợp sử dụng đất của ông T không đủ điều kiện để bồi thường thiệt hại về đất. Việc mua bán cây trồng trên đất không đồng nghĩa với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có cây trồng. Ông Lê Bá T không là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất khiếu nại. Do đó, cơ quan, tổ chức thực hiện bồi thường không thể quy chủ diện tích đất khiếu nại để bồi thường, hỗ trợ về đất cho ông T. Ông T không có một trong các loại giấy tờ quyền sử dụng đất theo quy định Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013, nên không đủ điều kiện để được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 9 Quy định ban hành kèm Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND và Điều 6 Quy định ban hành kèm Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam. Mặt khác, ông T không phải là hộ nông nghiệp, trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp nên không đủ điều kiện để bồi thường đất nông nghiệp theo khoản 2, Điều 77 Luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2018/HC-ST ngày 26-11-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ khoản 5 Điều 4, Điều 16, khoản 1 Điều 44, Điều 50 Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 77, Điều 100, khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 28-02-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Bá T đối với diện tích đất 13.070 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01, loại đất lâu năm khác tại phường A1, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03-12-2018, người khởi kiện ông Lê Bá T kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện ông Lê Bá T giữ yêu cầu kháng cáo và trình bày: Tòa án sơ thẩm không căn cứ vào nội dung khiếu nại, việc chuyển nhượng đất là giao dịch dân sự được Ủy ban nhân dân phường xác nhận, Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 28/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam là không đúng; Ông đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam trình bày ý kiến cho rằng: diện tích đất tranh chấp 13.000m<sup>2</sup> do UBND phường A1 quản lý sử dụng, không giao cho tổ chức cá nhân nào, việc sử dụng đất của ông T không kê khai đăng ký và không hợp pháp; sau khi bản án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam hủy để giải quyết lại với nội dung tính công bồi trúc đất cho ông T; tuy nhiên UBND tỉnh đã yêu cầu ông T cung cấp các chứng cứ chứng minh công sức bồi trúc đất để xem xét bồi thường, nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ gì; do vậy UBND tỉnh đã có Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 28/2/2017 không chấp bồi thường đất 13.000m<sup>2</sup> của ông H đã chuyển nhượng cho ông T là đúng quy định của pháp luật, toàn bộ diện tích đất tranh chấp là đất quốc phòng do Nhà nước quản lý; đề nghị bác kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc đất quốc phòng do UBND phường A1 quản lý; ông H khai hoang sử dụng nhưng không kê khai với phường; giấy chuyển nhượng giữa ông H và ông T có UBND phường xác nhận là không đúng vấn đề này thành phố đã rút kinh nghiệm; mặt khác, ông T không đủ điều kiện để nhận chuyển nhượng diện tích

đất lâm nghiệp, vì ông không phải là người ở địa phương và ông làm nghề được sỹ còn vợ ông là công chức Nhà nước, nên việc ông khiếu nại về diện tích đất ông nhận chuyển nhượng của ông H là không có cơ sở; đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau: Ông H sử dụng đất không kê khai đăng ký, ông H chuyển nhượng đất cho ông T UBND xã xác nhận là không đúng thẩm quyền, ông T không có chứng cứ gì mới để xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Bá T, thấy: Nguồn gốc diện tích 13.070m<sup>2</sup> đất mà ông Lê Bá T khiếu nại là do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Bá H sử dụng trồng cây năm 2008, quá trình sử dụng đất này ông H không kê khai, đăng ký theo quy định của pháp luật và không thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm người sử dụng đất; theo hồ sơ địa chính thì diện tích đất này do UBND phường A1 quản lý, loại đất hoang đồi (Hđ) đăng ký vào sổ mục kê theo Nghị định 60/Cp được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 22/2/2005; ngày 4/1/2008 ông H chuyển nhượng lại cho ông T bằng giấy viết tay không có công chứng, chứng thực, tại thời điểm chuyển nhượng ông H không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai 2003; toàn bộ diện tích đất này nằm trong khu vực Núi C1 đã được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Nam đến năm 2010 theo Quyết định số 107/2002/QĐ-TTg ngày 12/8/2002 của Thủ tướng Chính phủ. Việc chuyển nhượng đất giữa ông H và ông T không đúng quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2003 và khoản 1 Điều 66 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ. Tại thời điểm ông T nhận chuyển nhượng đất và cây từ ông H để tiếp tục sử dụng thì ông không có hộ khẩu và không phải là người ở địa phương phường A1, không phải là hộ nông nghiệp và trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp, mà ông cư trú tại phường A, nghề nghiệp là được sỹ đang công tác tại Công ty Cổ phần vật tư y tế Quảng Nam, vợ ông là công chức nhà nước. Do đó, ông T không đủ điều kiện để bồi thường đất nông nghiệp theo quy định tại

khoản 2 Điều 77 Luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 13 Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã có Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 28/2/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông T đối với diện tích đất 13.070m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng cây lâu năm khác tại phường A1, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật.

[2] Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông T không cung cấp thêm chứng cứ nào mới khác, do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông T giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Lê Bá T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ khoản 5 Điều 4, Điều 16, khoản 1 Điều 44, Điều 50 Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 77, Điều 100, khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Bá T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 82/2018/HC-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 28-02-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Bá T đối với diện tích đất 13.070m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 01, loại đất lâu năm khác tại phường A1, thành phố T1, tỉnh Quảng Nam.

Án phí hành chính sơ thẩm ông Lê Bá T phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000469 ngày 11/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Quảng Nam.

Án phí hành chính phúc thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Bá T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000213 ngày 4/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Ông Lê Bá T đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Minh Tuấn**